

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư xây dựng công trình điều chỉnh công suất khai thác đá vôi tại mỏ đá Mông Sơn, xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường của Mỏ đá Mông Sơn, xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai - Khu A;

Xét đề nghị của Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB tại các Văn bản số: YBB-MA024/25-LR ngày 10/10/2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Mỏ đá Mông Sơn, xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai; số YBB-MA027/25-LR ngày 08/12/2025 về hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Mỏ đá Mông Sơn, xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 463/TTr-SNNMT, ngày 18/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB, địa chỉ tại Phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Mỏ đá Mông Sơn, xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai - Khu A với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Mỏ đá Mông Sơn, xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai - Khu A.

1.2. Địa điểm thực hiện: Xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 5200126697, đăng ký lần đầu ngày 09/12/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 03/9/2025.

1.4. Mã số thuế: 5200126697.

1.5. Loại hình sản xuất: Khai thác khoáng sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất là 53,2ha.

- Nhóm dự án (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*¹): Dự án đầu tư nhóm C.

- Cơ sở tương đương với Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Công suất: Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 991/GP-BTNMT ngày 03/5/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*), cụ thể: Năm thứ 1 là 136.969 tấn; Năm thứ 2 đến năm thứ 13 là 719.320 tấn/năm; Năm thứ 14 là 514.989 tấn.

- Quy trình công nghệ:

+ Quy trình khai thác: Đá được tách bằng phương pháp khoan nổ mìn ra khỏi nguyên khối, sản phẩm được xúc phân loại thành đá đủ tiêu chuẩn đá làm bột Cacbonat Calci và đá xuất cho nhà máy xi măng. Trong đó đá làm bột

¹ Phụ lục I kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Cacbonat Calci được vận chuyển trực tiếp về trạm nghiền, đá xuất cho nhà máy xi măng đổ tạm ra bãi chứa.

+ Quy trình chế biến đá tại mỏ: Đá sau khi vận chuyển bằng ô tô tự đổ vào bункer trạm nghiền. Sau quá trình nghiền thô, đá chuyển sang công đoạn sàng, rửa, phân loại sản phẩm. Sản phẩm sau chế biến được tập kết tại khu tập kết sản phẩm trước khi chuyển đi tiêu thụ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, bụi, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh bụi, tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai và các sở, ngành có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình triển khai nếu dự án có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường, chủ đầu tư phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban

nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét.

2.6. Bảo đảm và chịu trách nhiệm toàn diện về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Đến hết ngày 03/5/2031 *(theo thời hạn của Giấy phép khai thác khoáng sản số 991/GP-BTNMT ngày 03/5/2017 và Quyết định số 1279/QĐ-BTNMT ngày 09/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản).*

Các nội dung của Mỏ đá Mông Sơn, xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai - Khu A thực hiện theo Giấy phép này và thay thế các nội dung tương ứng tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư xây dựng công trình điều chỉnh công suất khai thác đá vôi tại mỏ đá Mông Sơn, xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Các Sở: Xây dựng, Công thương;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Tú);
- Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB;
- Ủy ban nhân dân xã Bảo Ái;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (để công khai);
- Lưu: VT, KT_{Thủy}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 1:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải rửa đá tại trạm nghiền sơ tuyển đá (*thải ra môi trường*).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt khu vực mỏ (*thải ra môi trường*).
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt khu vực văn phòng điều hành (*sử dụng để tưới cây trong khuôn viên khu vực văn phòng*).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải xả ra môi trường: 01 dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận nước thải (*tương ứng nguồn số 01 và nguồn số 02*).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý xả ra Hồ Thác Bà thuộc xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai.

- Vị trí xả nước thải: Hồ Thác Bà, Xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai, có tọa độ: X (m) = 2419142; Y (m) = 517167 (*theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°*).

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 50 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải từ ngăn số 02 thuộc hồ lắng số 01 theo đường ống thoát nước thải ra hồ Thác Bà. Phương thức xả nước thải vào nguồn nước là tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn theo chế độ hoạt động của cơ sở.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường số 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, $K_q=1$, $K_f=1,2$), với các thông số như sau:

ST T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9		

2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36	3 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ cơ sở)	Không thuộc đối tượng theo quy định
3	COD	mg/l	90		
4	TSS	mg/l	60		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	6		
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺) tính theo N	mg/l	6		
7	Tổng Nitơ	mg/l	24		
8	Tổng Photpho	mg/l	2,8		
9	Coliform	MPN/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI; THU GOM, THOÁT NƯỚC MƯA

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a) Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất (Nguồn số 01)

Nước thải phát sinh tại khu vực sàng rung 04 tầng theo đường ống thép (đường kính 0,4m, chiều dài 12m) và nước thải phát sinh tại khu vực sàng thu hồi đá theo phễu thu và đường ống nhựa (đường kính 0,2m, chiều dài 10m) chảy về ngăn số 01 của bể lắng sơ cấp. Nước thải trong bể lắng sơ cấp được chảy tuần tự từ ngăn số 01 sang ngăn số 02 và sang ngăn số 03 qua khe tràn trên thành bể. Nước thải từ ngăn số 03 (thuộc bể lắng sơ cấp) theo đường ống nhựa (đường kính 0,3m, chiều dài 22m) chảy về ngăn số 01 (thuộc hồ lắng số 01), sau đó sang ngăn số 02 (thuộc hồ lắng số 01). Tại ngăn số 02 (thuộc hồ lắng số 01), nước thải chảy theo đường ống nhựa (đường kính 0,3m, chiều dài 50m) thải ra hồ Thác Bà.

b) Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh tại khu vực mỏ được thu gom theo đường ống nhựa (đường kính 0,11m) chảy về bể tự hoại. Nước thải từ bể tự hoại theo đường ống nhựa (đường kính 0,05m) chảy về hồ lắng số 01 (thuộc công trình xử lý cùng nước thải sản xuất tại trạm nghiền sơ tuyển đá) trước khi xả ra hồ Thác Bà.

- Nguồn số 03:

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh tại khu vực văn phòng được thu gom theo đường ống nhựa (đường kính 0,11m) chảy về bể tự hoại; Nước thải từ nhà ăn theo đường ống nhựa (đường kính 0,09m) chảy về bồn tách mỡ. Nước thải từ bể tự hoại, bồn tách mỡ theo đường ống nhựa (đường kính 0,15m) chảy về bể

chứa nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Nước thải sản xuất (*nước thải sản xuất tại trạm nghiền sơ tuyển đá*):

- Các công trình gồm: 01 bể lắng sơ cấp (*chiều dài 20m, chiều rộng 08m, chiều sâu 02m; chia thành 3 ngăn*); 01 hồ lắng (*hồ lắng 01 chia thành 02 ngăn: ngăn số 1 có diện tích 1.200 m², chiều sâu trung bình 07 m; ngăn số 2 có diện tích 1.000 m², chiều sâu trung bình 07 m. Hồ lắng này kết hợp cả lắng nước mưa chảy tràn của mỏ*).

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải từ trạm nghiền sơ tuyển đá theo đường ống thu gom chảy về ngăn số 01 (*thuộc bể lắng sơ cấp*). Nước thải chảy tuần tự từ ngăn số 01 sang ngăn số 02 và sang ngăn số 03. Nước thải ngăn số 03 (*thuộc bể lắng sơ cấp*) theo đường ống thu gom chảy về ngăn số 01 (*thuộc hồ lắng 01*). Nước thải chảy qua ngăn số 01, sang ngăn số 02 (*thuộc hồ lắng 01*). Tại ngăn số 02 (*thuộc hồ lắng 01*), Công ty có trạm bơm để tuần hoàn nước thải trở lại sản xuất và 01 đường ống xả thải ra môi trường (*có đồng hồ đo lưu lượng xả thải*).

Việc nạo vét đá sạn, mặt đá trong bể lắng được thực hiện hằng ngày; đá sạn, mặt đá sau nạo vét được chuyển làm nguyên liệu cho nhà máy sản xuất xi măng. Việc nạo vét bùn đất trong hồ lắng số 01 được thực hiện với chu kỳ trung bình 01 lần/tháng; bùn, đất nạo vét được đổ vào bãi thải của mỏ hoặc sử dụng để sửa chữa đường vận tải nội bộ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

b) Nước thải sinh hoạt:

- Khu vực mỏ (Nguồn số 02):

Các công trình: Có 01 bể tự hoại 3 ngăn (*chiều dài 02m, chiều rộng 1,8m, chiều sâu 2,3m*).

Tóm tắt quy trình xử lý: Toàn bộ nước thải từ bồn cầu, chậu tiều, rửa sàn,... theo đường ống thu gom chảy về ngăn số 01 (*thuộc bể tự hoại*). Tại ngăn số 01 nước thải được điều hòa, lắng và phân hủy sinh học. Sau đó nước thải chảy sang ngăn số 02 (*thuộc bể tự hoại*). Tại ngăn số 02 nước thải được lắng và phân hủy sinh học. Sau đó nước thải chảy sang ngăn số 03 (*thuộc bể tự hoại*). Tại ngăn số 03 nước thải được lắng và chứa. Nước thải từ ngăn số 03 (*thuộc bể tự hoại*) chảy về ngăn số 01 (*thuộc hồ lắng 01 của công trình xử lý nước thải sản xuất*) để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Khu vực văn phòng điều hành (Nguồn số 03):

Các công trình: Có 02 bể tự hoại 3 ngăn (*chiều dài 02m, chiều rộng 1,8m, chiều sâu 2,3m*); 01 bồn tách mỡ (*chiều dài 0,4m, chiều rộng 0,25m, chiều cao 0,3m*); 01 bể chứa nước thải (*chiều dài 04m, chiều rộng 1,5m, chiều sâu 1,5m*).

Tóm tắt quy trình xử lý:

+ Toàn bộ nước thải từ bồn cầu, chậu tiểu, rửa sàn,.. theo đường ống thu gom chảy về ngăn số 01 (*thuộc bể tự hoại*). Tại ngăn số 01 nước thải được điều hòa, lắng và phân hủy sinh học. Sau đó nước thải chảy sang ngăn số 02 (*thuộc bể tự hoại*). Tại ngăn số 02 nước thải được lắng và phân hủy sinh học. Sau đó nước thải chảy sang ngăn số 03 (*thuộc bể tự hoại*). Tại ngăn số 03 nước thải được lắng và chứa.

+ Nước thải nhà bếp được thu gom, tách mỡ tại bể tách mỡ.

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, bể tách mỡ được chảy về bể chứa nước thải. Nước thải được sử dụng cho hoạt động tưới cây trong khuôn viên văn phòng của cơ sở.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Thực hiện vận hành các công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; Thường xuyên kiểm tra đường ống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý (*bể tự hoại; bồn tách mỡ; bể chứa nước thải; bể lắng sơ cấp; hồ lắng số 01*); Thường xuyên tập huấn cho cán bộ, công nhân viên về quy trình vận hành, phòng ngừa ứng phó sự cố các hệ thống xử lý nước thải, đặc biệt trong mùa mưa.

Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng dừng hoạt động phát sinh nước thải; tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra môi trường; tập trung khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động; chỉ hoạt động trở lại khi sự cố được khắc phục hoàn toàn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường*).

3. Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

3.1. Khu vực văn phòng điều hành

Công ty đã xây dựng hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa (*chiều rộng 0,3m, chiều sâu 0,3m, chiều dài 130m*) xung quanh khu văn phòng.

3.2. Khu vực mỏ

a) Hệ thống thu gom:

- Đường lên khu vực moong khai thác: 01 hệ thống với tổng chiều dài 930m, chiều rộng mặt trung bình 01m, chiều rộng đáy trung bình 0,5m, chiều sâu trung bình 01m.

- Khu vực bãi thải: 01 hệ thống với tổng chiều dài 400m, chiều rộng mặt trung bình 01m, chiều rộng đáy trung bình 0,6m, chiều sâu trung bình 0,6m.

- Khu vực đường vận tải men theo hồ Thác Bà và bên thủy: 01 hệ thống tổng chiều dài 400m, chiều rộng mặt trung bình 0,5m, chiều rộng đáy trung bình 0,4m, chiều sâu trung bình 0,3m. Trên tuyến rãnh có 01 đường ống dẫn nước mưa đầu nối từ rãnh vào ngăn số 01 của hồ lắng số 02.

Đồng thời, Công ty đã đắp bờ chắn nước mưa (*chiều cao trung bình từ 0,5m đến 01m, chiều dài 1.000m*) dọc theo hồ Thác Bà phần giáp mỏ và đường lên khu moong khai thác.

b) Công trình xử lý nước mưa chảy tràn:

Công ty đã tạo 04 hồ ga (*mỗi hồ ga có dung tích từ 01m³ đến 02m³ để lắng đọng nước mưa chảy tràn khu vực đường vận tải men theo hồ Thác Bà*); 01 hồ lắng trong khu vực bãi thải (*diện tích khoảng 40m², chiều sâu trung bình 1,5m*); hồ lắng số 01 (*sử dụng chung công trình xử lý nước thải sản xuất*); hồ lắng số 02 (*diện tích 1.200m², chiều sâu trung bình 02m, chia thành 02 ngăn*); ao lắng số 3 (*diện tích 100m², chiều sâu trung bình 01 m, 01 ngăn*).

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của mỏ đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại điểm g, mục 2 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Thường xuyên nạo vét, kiểm tra hệ thống thu, thoát, xử lý nước thải, đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường trong mọi trường hợp.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải, nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của cơ sở.

- Thường xuyên gia cố, sửa chữa tuyến rãnh thu gom nước mưa chảy tràn để đảm bảo thu gom nước mưa về các hồ lắng, hồ lắng; gia cố bờ ngăn nước mưa

chảy tràn; nạo vét các hồ lắng, hồ lắng nước mưa chảy tràn để đảm bảo khả năng lắng nước mưa. Chủ động đầu tư bổ sung hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn theo tiến độ phát triển mở đảm bảo khả năng thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn về công các hồ lắng, hồ lắng.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại điểm g, mục 2 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành các công trình thu gom, thoát nước thải của Cơ sở./.

PHỤ LỤC 2:
YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

1. Khí thải (bụi) từ trạm nghiền sơ tuyển đá

Lắp đặt 02 Béc phun sương vào Bunke cấp liệu, 01 Béc phun sương vào phễu xả sản phẩm của máy kẹp hàm (*tại công đoạn sàng sơ cấp*), 01 giàn tưới nước vào đá (*vừa có tác dụng rửa đá và giảm bụi tại máy rửa đá*). Kèm theo đó là hệ thống bơm để bơm áp lực và cấp nước vào đường ống phun nước.

2. Khí thải (bụi) từ quá trình vận chuyển

- Các phương tiện vận chuyển được gắn các đầu tưới nước phía trước xe để giảm thiểu bụi.
- Khi vận tải bằng ô tô ra khỏi phạm vi mỏ thì sử dụng bạt phủ kín thùng xe.
- Trồng cây xanh xung quanh khai trường mỏ với tổng diện tích là 1.000 m², chủ yếu là keo và Xà Cừ và các loại khác, có độ cao từ 5 đến 6m, độ phủ tán rộng 2 - 3m.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống bơm, đường ống, béc phun, giàn tưới nước để đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả.
- Thực hiện và tăng cường việc tưới nước giảm thiểu bụi khi phương tiện vận chuyển đá bên ngoài ranh giới cơ sở, đặc biệt khi qua các khu dân cư./.

PHỤ LỤC 3:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Hoạt động nghiền đá tại trạm nghiền sơ tuyển đá; hoạt động của các phương tiện vận chuyển, bốc xúc trên khu vực khai thác, khu vực trạm nghiền sơ tuyển đá, khu vực bến cảng; hoạt động nổ mìn.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Kể từ khi Giấy phép môi trường này có hiệu lực đến trước ngày 31/12/2026

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

a) Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA): Từ 6 giờ đến 21 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

b) Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB): Từ 6 giờ đến 21 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

2.2. Kể từ ngày 31/12/2026 cho đến khi Giấy phép môi trường này hết hạn

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy móc được lắp đặt đảm bảo nền móng vững chắc.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện tránh ồn như nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức ồn cao cho công nhân.

- Kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân.

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

- Trồng cây xanh khu vực mỏ.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các máy móc sản xuất, phương tiện để đảm bảo hiệu quả hoạt động.

- Tắt các máy móc, thiết bị khi không cần thiết.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động của mỏ, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường.

- Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng do tiếng ồn, độ rung đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh khu vực.

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường cho phép.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung do tác động của mỏ gây ra.

PHỤ LỤC 4:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

ST T	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	0,2
2	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	2,2
3	Dầu thải	16 01 08	35
4	Pin ắc quy chì thải	19 06 01	2,2
5	Giẻ lau vải có chứa chất thải nguy hại	18 02 01	10
6	Các loại hộp sơn, hộp đựng hóa chất bằng kim loại	18 01 02	1,3
7	Các thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	0,1
8	Bao bì thải có chứa, nhiễm các TPNH (dính dầu mỡ, axit...)	18 01 01	4
Tổng khối lượng (kg/tháng)			55

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Đất đá thải và bùn đất: Khoảng 12.000-13.000 m³/năm.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác (xăm, lốp xe; băng tải cao su; sắt thép; nhựa thải): Khoảng 200 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 1.000 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Không có.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Khu vực lưu chứa: Diện tích 06 m²; xung quanh và mái được che phủ bằng tôn; nền đổ bê tông và xây hàng gạch bao xung quanh nền để ngăn nước mưa đổ vào; có biển cảnh báo ở ngoài kho, bên trong có bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại được dán mã riêng cho từng loại; trang bị bình cứu hỏa; có vật liệu hấp thụ (cát) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Đất đá thải, bùn đất (*khu vực lưu chứa ngoài trời*)

Bố trí 01 bãi chứa thải (*nằm ở phía Tây Nam khu A*); diện tích đang sử dụng là 1,9ha (*tổng diện tích quy hoạch là 3,19ha*); đê chắn chân bãi thải với chiều cao từ 1,5-2m, tổng chiều dài 220m. Thực hiện việc đổ thải theo từng tầng từ dưới lên để hạn chế tình trạng đá lún.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác

- Khu lưu chứa với diện tích 5m², nền bê tông, xây hàng gạch bao xung quanh nền để ngăn nước mưa đổ vào, mái tôn và bao xung quanh bằng tôn.
- Chất thải được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí các thùng chứa rác loại 60-90 lít, có nắp đậy để thu gom, phân loại chất thải.
- Rác thải có thể tái chế được thu gom và bán lại cho đơn vị thu mua; chất thải còn lại sau thu gom định kỳ hàng ngày được Công ty tập trung và chuyển về bãi rác của địa phương.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

- Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

- Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải đảm bảo theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC 5:
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

Khu vực văn phòng điều hành; moong khai thác; bãi thải; bãi tập kết đá; khu vực trạm nghiền (trạm sơ chế đá), bãi quay xe; đường giao thông; các hồ lắng, hồ lắng; kho mìn; hành lang an toàn nổ mìn.

2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Thực hiện theo đúng nội dung, phương án cải tạo phục hồi môi trường theo Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định 1390/QĐ-UBND ngày 03/09/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 5.916.580.934 đồng *(Viết bằng chữ: Năm tỉ chín trăm mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn chín trăm ba mươi tư đồng)*.

- Công ty đã thực hiện ký quỹ theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 03/09/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh tính đến hết ngày 07/05/2025 là 4.657.537.754 đồng *(Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi tư đồng)*.

- Số tiền còn lại Công ty phải ký quỹ là: 1.259.043.180 đồng *(Viết bằng chữ: Một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm tám mươi đồng)*.

- Việc ký quỹ hằng năm phải thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ rừng và Môi trường tỉnh Lào Cai.

B. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện khai thác theo đúng giấy phép khai thác khoáng sản được cấp và thiết kế được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường đảm bảo theo quy định pháp luật khi kết thúc khai thác.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên vận hành công trình xử lý chất thải và phải xử lý đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường trong quá trình hoạt động.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với cơ sở.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến cơ sở khi được yêu cầu;

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác không thuộc nội dung giấy phép môi trường này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái./.